

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Tứ Hải**.

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Kiều Minh Tiến** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Châu Thị T** – sinh năm: 1978 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Hà Thanh P** - sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Đức Hòa, xã Trung Thành Đông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Châu Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh P do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm vào ngày 08 tháng 8 năm 1999.

Sau ngày cưới chị và anh P sống chung với gia đình của chị tại ấp Đức Hòa, xã Trung Thành Đông. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau, anh P không lo làm ăn thường hay cờ bạc, rượu

chè. Chị có khuyên nhưng anh P không sửa đổi. Chị T và anh P đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay.

Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hà Thanh P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Thị Anh T2, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1999 và Hà Tấn T1, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2002. Cháu Anh T2 đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Tấn T1 đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tấn T1 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Tấn T1.

- Về tài sản chung: Chị Châu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả: Chị Châu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Hà Thanh P đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh P không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, tại bản khai ý kiến ngày 02 tháng 5 năm 2018 được lưu trữ tại hồ sơ thụ lý số 714/2017-TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thì anh P có ý kiến sẽ sửa đổi bản thân trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2018. Nếu trong thời hạn 03 tháng mà anh không sửa chữa thì sẽ đồng ý ly hôn, nên chị T rút đơn khởi kiện.

** Tại bản khai ý kiến ngày 28 tháng 01 năm 2019: cháu Hà Tấn T1 có nguyện vọng muốn sống chung với chị T.*

T1 liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh (bản sao).

Bị đơn vắng nên không cung cấp T1 liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Châu Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Hà Thanh P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hà Thanh P nhưng anh P không đến tham gia tố tụng tại Tòa án mà không có lý do. Tòa án

đã triệu tập anh P tham dự phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hà Thanh P.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị T và anh Hà Thanh P do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm vào ngày 08 tháng 8 năm 1999 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống theo chị T trình bày thì thời gian anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do do vợ chồng bất đồng quan điểm, T2ồng xuyên cự cãi với nhau, anh P không lo làm ăn thường hay cờ bạc, rượu chè.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, anh P hứa sửa đổi bản thân để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không thực hiện được nên chị T tiếp tục nộp đơn xin yêu cầu ly hôn với anh, chị T và anh P đã sống ly thân trong thời gian dài không thể hàn gắn đoàn tụ, đã cho thấy đời sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Thị Anh T2, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1999 và Hà Tấn T1, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2002.

Cháu Anh T2 đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cháu Tấn T1 đang sống chung với chị T và có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị T. Chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tấn T1. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho cháu T1 cần tiếp tục giao cháu T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu T1 nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu T1.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị T.

Về hôn nhân: Cho chị Châu Thị T được ly hôn với anh Hà Thanh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Thị Anh T2, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1999 và Hà Tấn T1, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2002.

Cháu Hà Thị Anh T2 đã thành niên, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Hà Tấn T1 cho chị Châu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hà Tấn T1.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Châu Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009278 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Châu Thị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THA huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh

